

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện di dời, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 103/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Bố trí ổn định dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Thông báo số 71-TB/TU ngày 11 tháng 11 năm 2025 và Kết luận số 38-KL/TU ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khóa I, tại Hội nghị lần thứ 4;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện di dời, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện di dời, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện.

Điều 3. Bồi thường về đất, nhà và công trình, cây cối có trên đất

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì được bồi thường về đất; bồi thường nhà và công trình, cây cối trên đất theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì được bồi thường về đất (Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm xác định loại đất theo quy định để tính bồi thường); bồi thường nhà và công trình, cây cối trên đất theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không được bồi thường về đất; được hỗ trợ 80% giá trị bồi thường nhà và công trình, cây cối trên đất theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

4. Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này mà trước đây chưa được bồi thường nhà và công trình trên đất, đã được giao đất tái định cư trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng vẫn tiếp tục sinh sống tại nơi ở cũ thì không được bồi thường về đất; được bồi thường nhà và công trình, cây cối trên đất theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng đất, nhà và công trình trên đất của các trường hợp đã được bố trí tái định cư trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không được bồi thường về đất; được bồi thường nhà và công trình, cây cối trên đất theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

6. Về đơn giá đất để tính tiền bồi thường là giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân các xã, phường xác định theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc bố trí tái định cư và thu tiền sử dụng đất

1. Về diện tích giao đất:

a) Đối với các xã, phường phía Đông tỉnh Gia Lai (tỉnh Bình Định trước sắp xếp), diện tích giao đất tối thiểu là 75m².

b) Đối với các xã, phường phía Tây tỉnh Gia Lai (tỉnh Gia Lai trước sắp xếp),

diện tích giao đất tối thiểu là 500m².

2. Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 Quyết định này nhưng không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi thì được giao đất theo quy hoạch tại khu tái định cư và nộp tiền sử dụng đất theo giá đất quy định tại bảng giá đất.

Trường hợp giao đất theo diện tích tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này nhưng số tiền bồi thường về đất không đủ để nộp tiền sử dụng đất tại lô tái định cư, thì người sử dụng đất được miễn số tiền sử dụng đất chênh lệch phải nộp so với tiền bồi thường về đất.

Trường hợp giao đất vượt quá diện tích tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này thì người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích vượt quá diện tích tối thiểu.

4. Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp đất tái định cư theo diện di dời trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi thì được giao một lô đất tại khu tái định cư và nộp tiền sử dụng đất theo giá đất quy định tại bảng giá đất.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm:

a) Xác nhận các đối tượng bị ảnh hưởng, loại đất để làm cơ sở xét bồi thường về đất, bồi thường hỗ trợ nhà, công trình trên đất và xét bố trí đất tái định cư theo Quyết định này.

b) Chủ trì xác định giá đất cụ thể, kiểm đếm đất, tài sản có trên đất; lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định này.

c) Thực hiện thu hồi đất, giao lại đất và quản lý quỹ đất sau khi thu hồi; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao đất ngoài thực địa.

2. Các Sở, ban, ngành có liên quan phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

3. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, bất cập, các tổ chức, cá nhân và cơ quan có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hoặc chỉ đạo giải quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 12 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành

thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&MT;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ TP);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- TT PVHCC;
- Lưu: VT, N_{1,4,6}, T₄, 9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh